TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55** /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 09 /10/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, ông Dương Thanh Bình .

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Huyền - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện C: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/08/2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23/09/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1985.

ĐKHKTT: Khu 19/5, thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang cư trú tại: Số 323 Phạm Hữu L , xã Ph, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn S có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng làm việc tại Bắc Ninh nên sinh sống tại Bắc Ninh. Quá trình chung sống đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chồng có quan hệ bất chính với người khác, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 04 năm 2013 cho đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm đến nhau, hiện nay anh S đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh S và chị có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện C giải quyết, anh S đồng ý ly hôn với chị và đã có bản tự khai gửi Tòa án. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Nguyên Kh , sinh 22/10/2012. Hiện nay con đang ở với chị, vợ chồng ly hôn xin được nuôi con chung của vợ chồng.

Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn S có bản tự khai và trình bày: Về quan hệ vợ chồng anh và chị Nguyễn Thị H có đồng ý kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn.Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Nguyên Kh , sinh ngày 20/10/2012, ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và ở xa anh xin vắng mặt trong toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án..

* Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H có đơn xin từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh S có ý kiến xin vắng mặt tại phiên, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Chị H, anh S có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện C giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự..

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt,hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh S theo quy định tại điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn S đã đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, tại bản tự khai anh S cũng có ý kiến vợ chồng sống không hạnh phúc và không còn tình cảm giành cho nhau, chị H và anh S đều đồng

ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị H được ly hôn anh S.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, là Đỗ Nguyên Kh , sinh 22/10/2012. Hiện nay con đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H xin nuôi con chung, anh S đồng ý để chị H nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi con, chị H hiện nay có nghề nghiệp ổn định và đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ, anh S đồng ý để chị H nuôi con. Để đảm bảo con có môi trường sinh sống ổn định và có điều kiện tốt nhất nên cần tiếp tục giao con Đỗ Nguyên Kh , sinh 22/10/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét, giải quyết..

[7].Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8].Về án phí: Chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[9].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn S.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đỗ Nguyên Kh , sinh 22/10/2012.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007342 ngày 15/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị H, anh S vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà